Chi tiết 1 - Ống T DN300, PN25

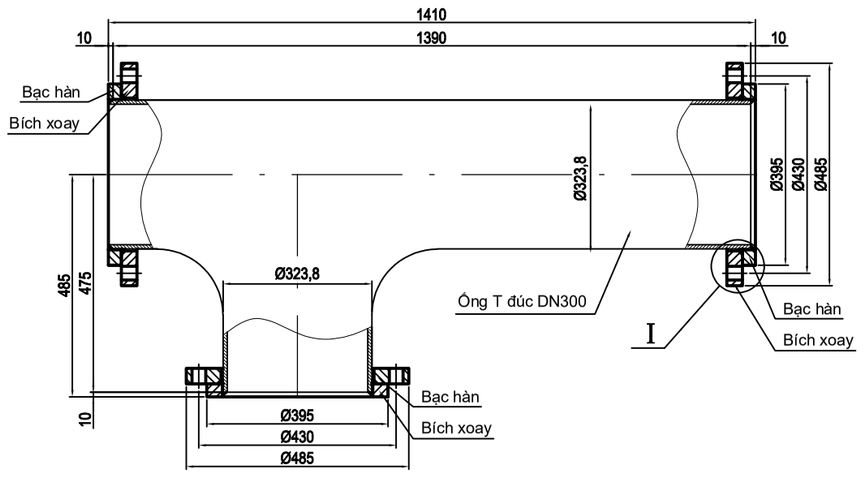

Mặt bích xoay DN300, PN25

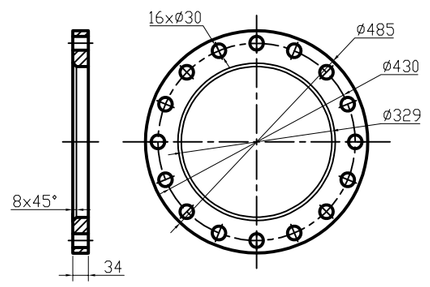

Bạc hàn DN300, PN25

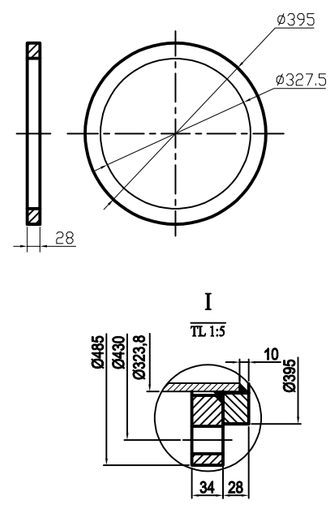

Chi tiết 2 - Ống cong 90° DN300, PN25

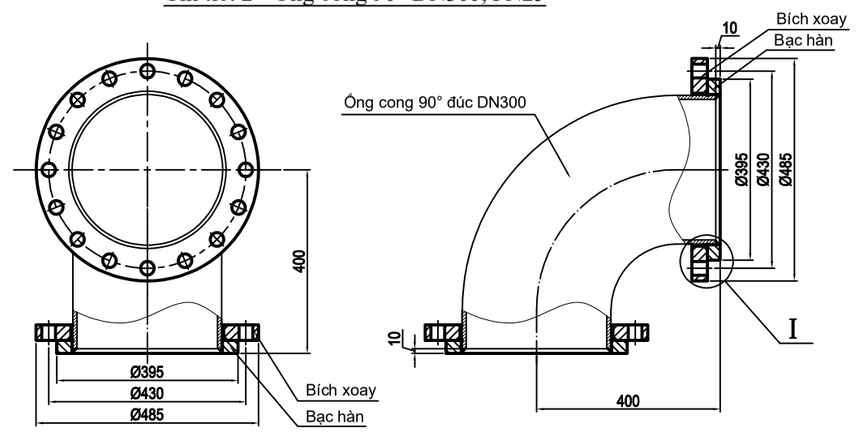

Chi tiết 3 - Mặt bích mù DN350, PN25

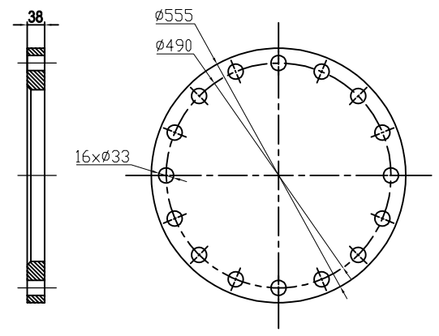

Chi tiết 4 - Ống T DN350-DN300, PN25

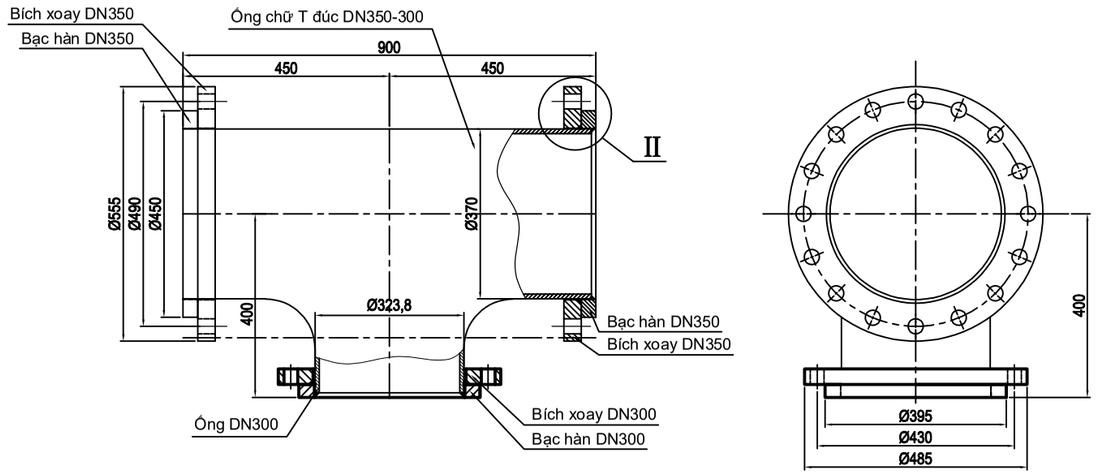

Ống nối thẳng DN350, PN25

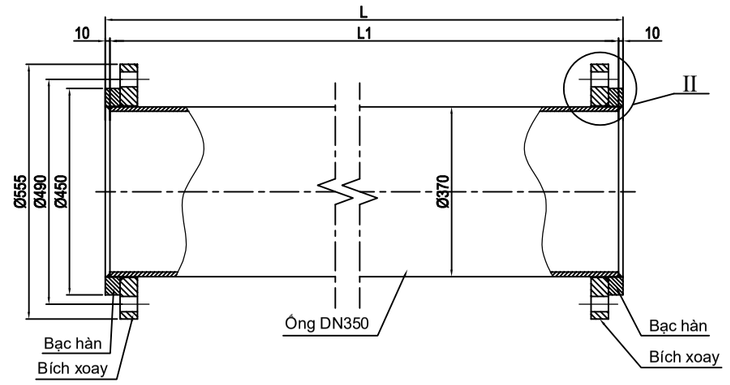

Mặt bích xoay DN350, PN25

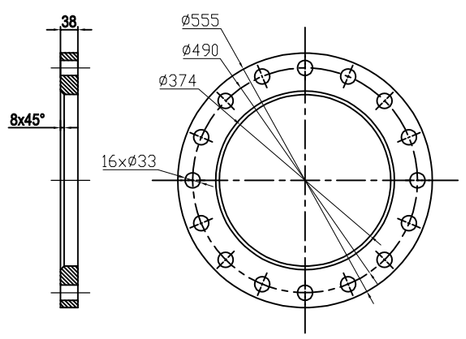

Chi tiết 9 - Ống cong 90° DN350, PN25 loại I

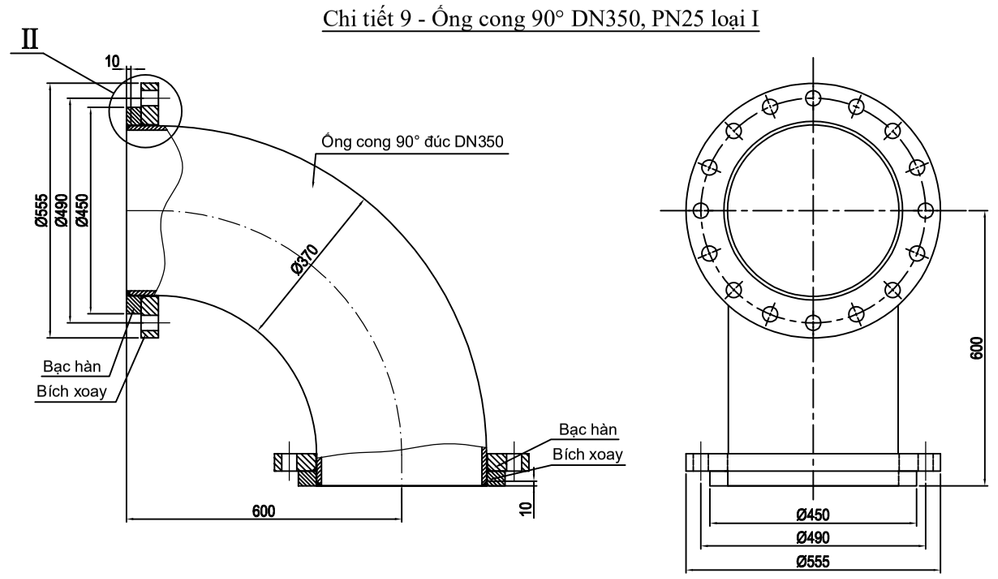

Đai đỡ ống Ø370

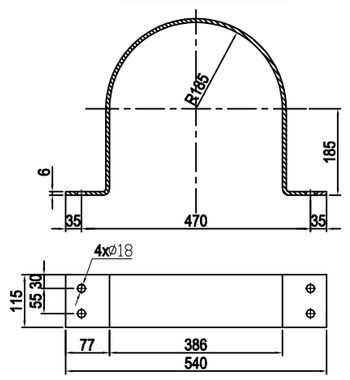

Bạc hàn DN350, PN25

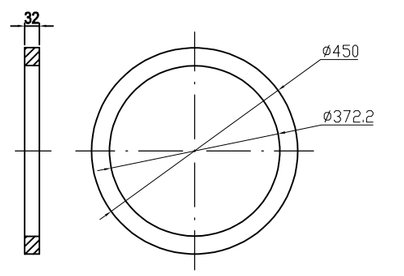

Bảng liệt kê ống nối thẳng DN350, PN25

Số chi tiết	5	6	7	8	10
Chiều dài L (mm)	4020	4880	4980	2120	600
Chiều dài L1 (mm)	4000	4860	4960	2100	580
Số lượng (cái)	1	2	2	1	1

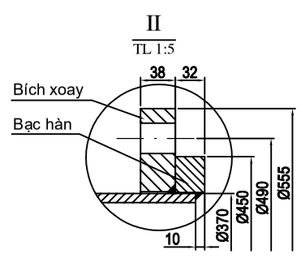

TT	Tên gọi và đặc tính kỹ thuật	Mã hiệu, quy cách	Đơn vị	Số lượng	Khối lượng (Kg)		Ghi chú
					Đơn vị	Toàn bộ	
4001	Van cổng ty chìm DN300; PN25;		cái	6	360,0	2.160,00	inox 304
1	***Chi tiết số 1 - Ống T DN300, PN25***		***cái***	***6,00***	***201,42***	***1.208,54***	
1.1	Ống T đúc DN300, PN25	Ø323,8x9,52	cái	1,00	137,39	137,39	inox 304
1.2	Bạc hàn DN300, PN25	Ø395xØ327,5x28	cái	2,00	8,42	16,84	inox 304
1.3	Mặt bích xoay DN300, PN25	Ø485xØ329x34	cái	2,00	23,60	47,20	inox 304
2	***Chi tiết số 2 - Ống cong 90° DN300, PN25***		***cái***	***6,00***	***113,70***	***682,19***	
2.1	Ống cong 90° đúc DN300, PN25	Ø323,8x9,52	cái	1,00	49,66	49,66	inox 304
2.2	Bạc hàn DN300, PN25	Ø395xØ327,5x28	cái	2,00	8,42	16,84	inox 304
2.3	Mặt bích xoay DN300, PN25	Ø485xØ329x34	cái	2,00	23,60	47,20	inox 304
3	***Chi tiết số 3 - Mặt bích mù DN350, PN25***	Ø555x38	***cái***	***1,00***	***72,17***	***72,17***	
4	***Chi tiết số 4 - Ống T DN350-DN300, PN25***		***cái***	***6,00***	***240,34***	***1.442,04***	
4.1	Ống T đúc DN350-300, PN25		cái	1,00	112,46	112,46	inox 304
4.2	Bạc hàn DN300, PN25	Ø395xØ327,5x28	cái	1,00	8,42	8,42	inox 304
4.3	Mặt bích xoay DN300, PN25	Ø485xØ329x34	cái	1,00	23,60	23,60	inox 304
4.4	Bạc hàn DN350, PN25	Ø450xØ372,2x32	cái	2,00	12,62	25,24	inox 304
4.5	Mặt bích xoay DN350, PN25	Ø555xØ374x38	cái	2,00	35,31	70,62	inox 304
5	***Chi tiết số 5 - Ống nối thẳng, L=4020mm***		***cái***	***1,00***	***450,99***	***450,99***	
5.1	Ống đúc DN350, PN25	Ø370x10	m	4,000	88,78	355,13	inox 304
5.2	Bạc hàn DN350, PN25	Ø450xØ372,2x32	cái	2,00	12,62	25,24	inox 304
5.3	Mặt bích xoay DN350, PN25	Ø555xØ374x38	cái	2,00	35,31	70,62	inox 304
6	***Chi tiết số 6 - Ống nối thẳng, L=4880mm***		***cái***	***2,00***	***527,34***	***1.054,69***	
6.1	Ống đúc DN350, PN25	Ø370x10	m	4,860	88,78	431,48	inox 304
6.2	Bạc hàn DN350, PN25	Ø450xØ372,2x32	cái	2,00	12,62	25,24	inox 304
6.3	Mặt bích xoay DN350, PN25	Ø555xØ374x38	cái	2,00	35,31	70,62	inox 304
7	***Chi tiết số 7 - Ống nối thẳng, L=4980mm***		***cái***	***2,00***	***536,22***	***1.072,44***	
7.1	Ống đúc DN350, PN25	Ø370x10	m	4,960	88,78	440,36	inox 304
7.2	Bạc hàn DN350, PN25	Ø450xØ372,2x32	cái	2,00	12,62	25,24	inox 304
7.3	Mặt bích xoay DN350, PN25	Ø555xØ374x38	cái	2,00	35,31	70,62	inox 304
8	***Chi tiết số 8 - Ống nối thẳng, L=2120mm***		***cái***	***1,00***	***282,31***	***282,31***	
8.1	Ống đúc DN350, PN25	Ø370x10	m	2,100	88,78	186,44	inox 304
8.2	Bạc hàn DN350, PN25	Ø450xØ372,2x32	cái	2,00	12,62	25,24	inox 304
8.3	Mặt bích xoay DN350, PN25	Ø555xØ374x38	cái	2,00	35,31	70,62	inox 304
9	***Chi tiết số 9 - Ống cong 90° DN350, PN25 loại I***		***cái***	***2,00***	***180,56***	***361,12***	
9.1	Ống cong 90° đúc DN350, PN25	Ø370x10	cái	1,00	84,70	84,70	inox 304
9.2	Bạc hàn DN350, PN25	Ø450xØ372,2x32	cái	2,00	12,62	25,24	inox 304
9.3	Mặt bích xoay DN350, PN25	Ø555xØ374x38	cái	2,00	35,31	70,62	inox 304
10	***Chi tiết số 10 - Ống nối thẳng, L=600mm***		***cái***	***1,00***	***147,36***	***147,36***	
10.1	Ống đúc DN350, PN25	Ø370x10	m	0,580	88,78	51,49	inox 304
10.2	Bạc hàn DN350, PN25	Ø450xØ372,2x32	cái	2,00	12,62	25,24	inox 304
10.3	Mặt bích xoay DN350, PN25	Ø555xØ374x38	cái	2,00	35,31	70,62	inox 304
11	Thanh đỡ ống, L=1500mm	I200x100x7x10,8	cái	12,00	40,80	489,60	CT38
12	Đai đỡ ống Ø370	1130x115x6	cái	12,00	6,12	73,45	CT38
13	Bu lông, đai ốc, vòng đệm nghiêng	M16x65	bộ	48	0,20	9,52	cấp độ bền 8.8
14	Gioăng cao su mặt bích DN300, PN25	Ø395xØ328x10	cái	36			
15	Bu lông, đai ốc, vòng đệm vênh	M27x190	bộ	576	1,52	876,63	cấp độ bền 8.8
16	Gioăng cao su mặt bích DN350, PN25	Ø450xØ373x10	cái	16			
17	Bu lông, đai ốc, vòng đệm vênh	M30x210	bộ	256	1,92	491,06	cấp độ bền 8.8

Ghi chú:

1. Bản vẽ được thành lập trên cơ sở:
   - BCNCKT Dự án Đầu tư nâng cao năng lực sản xuất và an toàn - Công ty than Nam Mẫu đã được phê duyệt;
   - Hiện trạng mặt bằng, các đường lò do Công ty than Nam Mẫu - TKV cấp tháng 12 năm 2025;
   - Hiện trạng hầm bơm mức -50 và tuyến đường ống DN350, PN25;
2. Vật liệu chế tạo mặt bích và bạc hàn được lựa chọn là Inox 304, kích thước theo tiêu chuẩn DIN 2655 hoặc tiêu chuẩn tương đương.
4. Kích thước các đoạn ống trên bản vẽ là theo tính toán, khi thi công cần xác định lại theo thực tế tại hiện trường. Kiểm tra lại kích thước của các thiết bị, vật tư mua sắm để điều chỉnh các kích thước lắp ghép theo thực tế.
5. Thép hình theo bộ tiêu chuẩn TCVN 7571:2019.
6. Bản vẽ này xem kết hợp với các bản vẽ **H272 - 3CM - 01 - 01/01.**

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VN CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ MỎ VÀ CÔNG NGHIỆP-VINACOMIN				GÓI THẦU SỐ 4: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG - DỰ TOÁN CÔNG TRÌNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ NÂNG CAO NĂNG LỰC SẢN XUẤT VÀ AN TOÀN - CÔNG TY THAN NAM MẪU	
				THOÁT NƯỚC TRONG LÒ	
Giám đốc	Lê Văn Duẩn			TUYẾN ỐNG TRONG HẦM BƠM MỨC -50 BẢN VẼ CHI TIẾT	
Phó Giám đốc	Nguyễn Việt Hùng				
CNTK	Nguyễn Phi Hùng				
Quản lý phòng	Nguyễn Phi Hùng				
Kiểm tra	Chu Quang Định				
Chủ trì thiết kế	Đặng Văn Hùng			GĐTK	Tỷ lệ: 1:10 / PTK: CT
Thiết kế	Chu Quang Định			TKBVTC	**H272 - 3CM - 01 - 01/02**